| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẾ PHONG**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 05/5/2021
*V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Phong

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lô Văn Tuất và ông Mong Thái Dương.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vi Thị Nhuần – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Q, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Bà Vi Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp về Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Ngân Thị T, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

*2. Bị đơn:* Anh Vi Văn P, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Bản N, xã Nậm N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngân Thị T trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ngân Thị T và anh Vi Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào năm 2014. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người có một lối sống, cách sống riêng; hai vợ chồng sống ly thân gần một năm. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ngân Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh Vi Văn P.

- **Về con chung:** Hai vợ chồng có hai người con chung tên là Vi Ngọc T, sinh ngày 21/02/2014 và Vi Ngọc B, sinh ngày 12/5/2019. Nguyện vọng của chị Ngân Thị T là được trực tiếp nuôi Vi Ngọc B và giao Vi Ngọc T cho anh Vi Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngân Thị T không yêu cầu anh Vi Văn P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung**: Chị Ngân Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản tự khai của đương sự ngày 31/3/2021và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn P trình bày:*

**-Về quan hệ hôn nhân**: Anh Vi Văn P thừa nhận có đăng ký kết hôn với chị Ngân Thị T tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào năm 2014. Việc kết hôn giữa anh chị là tự nguyện, hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì thương con nên anh Vi Văn P không nhất trí ly hôn.

**-Về con chung**: Hai vợ chồng có hai người con chung tên là Vi Ngọc T, sinh ngày 21/02/2014 và Vi Ngọc B, sinh ngày 12/5/2019. Nguyện vọng của anh Vi Văn P là được trực tiếp nuôi Vi Ngọc T và giao Vi Ngọc B cho chị Ngân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vi Văn P không yêu cầu chị Ngân Thị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

**- Về tài sản chung**: Anh Vi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng tình tự thủ tục theo pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Ngân Thị T được ly hôn với anh Vi Văn P; giao Vi Ngọc T cho anh Vi Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; giao Vi Ngọc B cho chị Ngân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ngân Thị T và anh Vi Văn P. Các đương sự không yêu cầu về Tài sản nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Q nhận định:*

**[1] Về tố tụng**: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân**: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngân Thị T và anh Vi Văn P là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, hai vợ chồng đã sống ly thân được gần một năm. Điều này chứng tỏ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và cho chị Ngân Thị T được ly hôn với anh Vi Văn P.

**[3] Về con chung:** Hai vợ chồng có hai người con chung tên là Vi Ngọc T, sinh ngày 21/02/2014 và Vi Ngọc B, sinh ngày 12/5/2019. Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2021 các đương sự đã thỏa thuận giao Vi Ngọc B cho chị Ngân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao Vi Ngọc T cho anh Vi Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn P và chị Ngân Thị T. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận.

**[4] Về tài sản chung:** Chị Ngân Thị T và anh Vi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ xem xét và giải quyết bằng một vụ án khác.

**[5] Về án phí:** Nguyên đơn chị Ngân Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 228 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** [1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Ngân Thị T được ly hôn với anh Vi Văn P.

[2**] Về con chung:** Giao con chung tên là Vi Ngọc B, sinh ngày 12/5/2019 cho cho chị Ngân Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 05/2021 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung tên là Vi Ngọc T, sinh ngày 21/02/2014 cho anh Vi Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 05/2021 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn P và chị Ngân Thị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] **Về án phí**: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ngân Thị T. Trả lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho chị Ngân Thị T, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Q chi trả.

[4] Nguyên đơn chị Ngân Thị T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Vi Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Q.*
- *Chi cục THADS huyện Q.*
- *UBND xã N*
- *Lưu hồ sơ vụ án*
- *Lưu VPTA*

Nguyễn Công Phong